**TUẦN 3:**

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG**

**Bài 06: BẢNG NHÂN 4, BẢNG CHIA 4 (Tiết 1) – Trang 19**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Hình thành được bảng nhân 4

- Vận dụng được vào tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 4.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề...

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:**  **- Mục tiêu:** + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  **- Cách tiến hành:** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: 3 x 5 = ?  + Câu 2: 30 : 3 = ?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: 3 x 5 = 15  + Trả lời: 30 : 3 = 10  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám quá**  **- Mục tiêu:**  - Hình thành được bảng nhân 4  - Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề...  **- Cách tiến hành:** | |
| **a/-** Cho HS quan sát chong chóng và hỏi mỗi chong chóng có mấy cánh?  - Đưa bài toán: “Mỗi chong chóng có 4 cánh. Hỏi 5 chong chóng có bao nhiêu cánh?  -GV hỏi:  + Muốn tìm 5 chong chóng có bao nhiêu cánh ta làm phép tính gì?  + 4 x 5 = ?  -GV chốt: Quan bài toán, các em đã biết cách tính được một phép nhân trong bảng nhân 4 là 4 x 5 = 20  b/ - GV yêu cầu HS tìm kết quả của phép nhân:  + 4 x 1 = ?  + 4 x 2 = ?  + Nhận xét kết quả của phép nhân 4 x 1 và 4 x 2  + Thêm 4 vào kết quả của 4 x 2 ta được kết quả của 4 x 3    - GV Nhận xét, tuyên dương | - HS trả lời: Mỗi chong chóng có 4 cánh.  -HS nghe  -HS trả lời  + .. 4 x 5  + 4 x 5 = 20  Vì 4+4+4+4+4=20 nên 4 x 5 = 20  -HS nghe  -HS trả lời  + 4 x 1 = 4  + 4 x 2 = 8  + Thêm 4 vào kết quả của 4 x 1 ta được kết quả của 4 x 2  - HS viết các kết quả còn thiếu trong bảng    -HS nghe |
| **3. Luyện tập**  **- Mục tiêu:**  - Vận dụng được vào tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 4.  - Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề...  **- Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1. (Làm việc cá nhân) Số?**  **-** GV mời 1 HS nêu YC của bài  - Yêu cầu học sinh tính nhẩm các phép tính trong bảng nhân 4 và viết số thích hợp ở dấu “?” trong bảng vào vở.  **-** Chiếu vở của HS và mời lớp nhận xét  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2: (Làm việc nhóm đôi) Số?**  - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và tìm các số còn thiếu ở câu a và câu b  - Mời HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV gọi HS giải thích cách tìm các số còn thiếu  -GV nhận xét  **Bài 3**  - GV mời HS đọc bài toán  -GV hỏi:  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở  - GV chiếu bài làm của HS, HS nhận xét lẫn nhau.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS nêu: Số  - HS làm vào vở  -HS quan sát và nhận xét  -HS nghe  -1HS nêu: Nêu các số còn thiếu  - HS thảo luận nhóm đôi và tìm các số còn thiếu  - 2 nhóm nêu kết quả  a/ 16; 20; 28; 36  b/ 28; 24; 16; 8  - HS nghe  -1HS giải thích:  Vì ở dãy câu a là dãy số tăng dần 4 đơn vị còn dãy số b là dãy số giảm dần 4 đơn vị  -HS nghe  -1HS đọc bài toán  -HS trả lời:  + Mỗi ô tô con có 4 bánh xe  + 8 ô tô như vậy có bao nhiêu bánh xe?  - HS làm vào vở.  *Bài giải*  *Số bánh xe của 8 ô tô là:*  *4 x 8 = 32 (bánh xe)*  *Đáp số:32 bánh xe*  - HS quan sát và nhận xét bài bạn  -HS nghe |
| **4. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi hái hoa sau bài học để củng cố bảng nhân 4  + Câu 1: 4 x 5 = ?  + Câu 2: 4 x 8 = ?  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS trả lời:  + Câu 1: 4 x 5 = 20  + Câu 2: 4 x 8 = 32  - HS nghe |
| **5. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

-------------------------------------------------------------------------

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG**

**Bài 06: BẢNG NHÂN 4, BẢNG CHIA 4 (Tiết 2) – Trang 20**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Hình thành được bảng chia 4

- Vận dụng được vào tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 4 và bảng chia 4.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề...

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:**  **- Mục tiêu:** + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  **- Cách tiến hành:** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: 4 x 5 = ?  + Câu 2: 4 x 9 = ?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: 4 x 5 = 20  + Trả lời: 4 x 9 = 36  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám quá**  **- Mục tiêu:**  - Hình thành được bảng chia 4  - Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề...  **- Cách tiến hành:** | |
| **-** Cho HS quan sát hình và yêu cầu HS nêu phép tính tính số chấm tròn trong hình?    - Đưa bài toán: “Có tất cả 24 chấm tròn chia vào các tấm bìa, mỗi tấm bìa có 4 chấm tròn. Vậy ta chia vào bao nhiêu tấm bìa như thế?  -GV hỏi:  + Muốn tìm số tấm bìa ta làm phép tính gì?  + 24 : 4 = ?  - Từ phép nhân 3 x 4 = 12, suy ra phép chia 12 : 3 = 4  - GV hỏi:  + Từ bảng nhân 4, tìm kết quả phép chia 4 : 4 = ?  + Từ bảng nhân 4, tìm kết quả phép chia 8 : 4 = ?  - Dựa vào bảng nhân 4 đã học yêu cầu HS tìm kết quả các phép chia còn lại trong bảng chia 4    -GV NX, tuyên dương | - HS quan sát hình  -1HS nêu phép tính:  4 x 6 = 24  -HS nghe  -HS trả lời  + .. 24 : 4  + 24 : 4 = 6  -HS nghe  -HS trả lời  + 4 : 4 = 2  + 8 : 4 = 2  -HS nghe và viết các kết quả còn thiếu trong bảng  -HS nghe |
| **3. Hoạt động**  **- Mục tiêu:**  - Vận dụng được vào tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng chia 4.  - Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề...  **- Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1. (Làm việc cá nhân) Số?**  **-** GV mời 1 HS nêu YC của bài  - Yêu cầu học sinh vận dụng bảng chia 3 và viết số thích hợp ở dấu “?” trong bảng vào vở.  **-** Chiếu vở của HS và mời lớp nhận xét  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2: (Làm việc cá nhân) Toa tàu nào ghi phép tính có kết quả lớn nhất?**  - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài  - Yêu cầu HS dựa vào bảng chia 4 hãy tính mỗi phép tính ghi ở các toa tàu rồi nêu chữ ở toa tàu ghi phép tính có kết quả lớn nhất | - 1 HS nêu: Số  - HS làm vào vở  *Các số lần lượt điền vào bảng là: 3; 9; 6; 8; 5*  -HS quan sát và nhận xét  -HS nghe  -1HS nêu  - HS nêu:  *Toa tàu C ghi phép tính có kết quả lớn nhất* |
| - Mời HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương. | -HS khác NX  - HS nghe |
| **4. Luyện tập**  **- Mục tiêu:**  - Vận dụng được vào tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 4 và bảng chia 4.  - Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề...  **- Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1: (Làm việc cá nhân) Số?**  - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài  - Yêu cầu HS tính nhẩm và nêu số còn thiếu ở ô có dấu “?” trong mỗi câu a,b,c  - Mời HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV chiều 2 phép tính: 4x 5 = 20 và 20 : 4 = 5 hỏi:  Em có nhận xét gì về 2 phép tính này?  -GV NX  **Bài 2:**  - GV mời HS đọc bài toán  -GV hỏi:  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở  - GV chiếu bài làm của HS, HS nhận xét lẫn nhau.  - GV nhận xét, tuyên dương. | -1HS nêu: Số.  - HS làm bài  a/ 20; 5 b/ 16; 4 c/ 24; 6  - HS khác nhận xét  - HS nghe  -HS trả lời  Ta lấy tích cảu phép nhân chia cho thừa số thì kết quả là thừa số kia  -HS nghe  - 1HS đọc bài toán  -HS trả lời:  + Có 24 chiếc bánh chia vào các hộp, mỗi hộp 4 chiếc bánh  + Hỏi được bao nhiêu hộp bánh như vậy?  - HS làm vào vở.  *Bài giải*  *Số hộp bánh có là:*  *24 : 4 = 6 (hộp)*  *Đáp số:6 hộp bánh.*  - HS quan sát và nhận xét bài bạn  -HS nghe |
| **5. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi hái hoa sau bài học để củng cố bảng nhân 4, bảng chia 4  + Câu 1: Có 36 cái bút chia vào 4 hộp. Hỏi mỗi hộp có bao nhiêu cái bút?  + Câu 2: 24 : 4 = ?  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS trả lời:  + Câu 1: Mỗi hộp có 9 cái bút.  + Câu 2: 24 : 4 = 6  - HS nghe |
| **6. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

---------------------------------------------------------------------------------------

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG**

**Bài 7: ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (T1) – Trang 21-22**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

**-** Nhận biết được khối lập phương, khối hộp chữ nhật khối trụ, khối cầu qua hình ảnh các đó vật và qua hình vẽ. Nhận biết được ba điểm thẳng hàng, hình tứ giác.

- Nhận biết được giờ theo buổi trong ngày, ngày trong tháng. Đọc được giờ trên đồng hồ.

- Tính được độ dài đường gấp khúc.

- Xác định được cân nặng của một số đồ vật dựa vào cân đồng hồ. Thực hiện được phép cộng, trừ số đo khối lượng (kg) và dung tích (l).

- Giải được bài toán thực tế liên quan đến số đo độ dài, khối lượng, dung tích.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + GV trình chiếu phép tính nhân 4, chia 4  + HS chọn kết quả đúng.  + HS đọc bảng nhân , chia 4  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + HS ghi kết quả vào bảng con  + HS nhận xét, chữa bài  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:*  **-** Mục tiêu:  + Nhận dạng được các hình khối đã học; nhận biết được ba điểm thẳng hàng; vận dụng được cách tính độ dài đường gấp khúc vào giải bài toán thực tế; vẽ hình theo hình mẫu trên giấy ô vuông.  **-** Cách tiến hành: | |
| **Bài 1a. Mỗi đồ vật có dạng hình khối gì?**   * GV cho HS nêu yêu cầu của bài. * GV yêu cầu HS nêu cách làm bài * GV hướng dẫn HS quan sát từng hình để nhận ra mỗi vật có dạng hình khối gì. * GV có thể yêu cầu HS lấy ví dụ trong thực tế một số đồ vật có dạng hình khối đã học.   **Bài 1b. Chọn hình thích hợp đặt vào dấu “?”**   * GV cho HS nêu yêu cầu của bài. * GV yêu cầu HS nêu cách làm bài * GV hướng dẫn HS quan sát dãy hình để nhận ra quy luật sắp xếp các hình: theo thứ tự khối hộp chữ nhật, khối trụ, khối lập phương, khối cầu và lặp lại ba lần. * GV và HS nhận xét và bổ sung.   **Bài 2: Nêu tên 3 điểm thẳng hàng.**  - GV cho HS tìm hiểu yêu cầu của bài rồi làm bài.  - GV hướng dẫn HS quan sát hình vẽ xem ba điểm nào cùng nằm trên một đoạn thẳng. Từ đó có: A, N, B là ba điểm thẳng hàng; A, M, C là ba điểm thẳng hàng; C, O, N là ba điểm thẳng hàng; B, O, M là ba điểm thẳng hàng.  Khi chữa bài, GV yêu cầu HS nêu tên ba điểm thẳng hàng trong từng trường hợp.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3: Giải bài toán**  - GV cho HS tìm hiểu đề bài:  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?   * Gv hướng dẫn HS nhận ra: Độ dài quãng đường ốc sên phải bò đến cây chuối là độ dài đường gấp khúc ABCD. * GV và HS chữa bài   - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 4. Vẽ hình theo mẫu**  - GV hướng dẫn HS vẽ theo các bước sau:  + Quan sát kĩ hình cần vẽ (hình mẫu).  + Chấm các điểm đặc biệt của hình cần vẽ (theo hình mẫu).  + Nối các điểm theo hình mẫu.  + Tô màu trang trí hình ngôi nhà để tạo thành bức tranh (tuỳ theo ý của từng em).  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 5. Chọn câu trả lời đúng?**   * GV hướng dẫn HS cách giải dạng bài này: Đếm số hình đơn trước (hình gồm một hình tứ giác), sau đó đếm số hình tứ giác gồm một số hình đơn. * GV nhận xét tuyên dương. | - HS nêu yêu cầu của bài.  - Cá nhân tự suy nghĩ và tìm câu trả lời.  - HS trả lời trước lớp.  - HS nhận xét câu trả lời.  - HS nêu câu trả lời.  - HS trả lời trước lớp.  - HS nhận xét câu trả lời.  - HS nêu yêu cầu của bài.  - HS tìm câu trả lời  - Nhóm đôi hỏi đáp.  - HS trả lời trước lớp  - HS nhận xét câu trả lời của bạn  - HS đọc bài toán  - HS trả lời câu hỏi  + Con ốc bò qua đường gấp khúc.  + Con ốc bò được bao nhiêu cm?   * HS làm bài vào vở * HS đổi vở kiểm tra bài * 1HS làm vào bảng nhóm   Bài giải  *Quãng đường ốc sên phải bò có độ dài là:*  *125 + 380 + 300 = 805 (cm)*  Đáp số: *805 cm.*  - HS đọc yêu cầu của bài.  - HS theo dõi GV hướng dẫn  - HS vẽ vào vở  - HS trao đổi vở  - HS nhận xét bài bạn và trình bày trước lớp.   * HS đọc yêu cầu của bài * HS tìm câu trả lời. * HS trao đổi nhóm đôi * HS trả lời trước lớp.   Kết quả: Chọn C |
| **3. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận dạng được các hình khối đã học; nhận biết được ba điểm thẳng hàng; cách tính độ dài đường gấp khúc ; vẽ hình theo hình mẫu trên giấy ô vuông.  + Bài toán:....  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + HS trả lời:..... |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG**

**Bài 7: ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (T2) – Trang 22-23**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

**-** Nhận biết được khối lập phương, khối hộp chữ nhật khối trụ, khối cầu qua hình ảnh các đó vật và qua hình vẽ. Nhận biết được ba điểm thẳng hàng, hình tứ giác.

- Nhận biết được giờ theo buổi trong ngày, ngày trong tháng. Đọc được giờ trên đồng hồ.

- Tính được độ dài đường gấp khúc.

- Xác định được cân nặng của một số đồ vật dựa vào cân đồng hồ. Thực hiện được phép cộng, trừ số đo khối lượng (kg) và dung tích (l).

- Giải được bài toán thực tế liên quan đến số đo độ dài, khối lượng, dung tích.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + GV trình chiếu bài tính độ dài đường gấp khúc, cách vẽ 1 hình theo mẫu.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + HS nêu cách thực hiện  + HS nêu cách tính  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:*  **-** Mục tiêu:  + Xác định được cân nặng của một số đồ vật dựa vào cân đồng hồ.  + Thực hiện được phép tính với số đo đại lượng (kg, l).  + Xem được giờ trên đồng hồ; giải được bài toán thực tế liên quan đến phép tính với số đo đại lượng.  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 1. Số?**  - GV cho HS nêu yêu cầu của bài.  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh:  Câu a: HS quan sát từng hình để nhận ra cân nặng của mỗi vật.  + Quả mít cân nặng bao nhiêu? Quả dưa hấu cân nặng bao nhiêu?.  + Quả mít nặng hơn quả dưa hấu bao nhêu? Em thực hiện phép tính gì?  Câu b: HS quan sát hình để nhận ra:  + Can thứ nhất có mấy l dầu?  + Can thứ hai có mấy lít dầu?  + Cả hai can có mấy lít dầu ?  Lưu ý: Sau khi chữa bài, GV có thể hỏi thêm HS, chẳng hạn:  + Câu a: Cả quả mít và dưa hấu cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?  + Câu b: Can to đựng nhiều hơn can bé bao nhiêu lít dầu?  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2: Chọn câu trả lời đúng.**  - Câu a: HS quan sát hình để nhận ra đồng hồ chỉ mấy giờ rồi chọn câu trả lời đúng. Chọn c.  Câu b: HS tính nhẩm lần lượt, bắtt đầu từ ngày 4 là thứ Ba, ngày 5 là thứ Tư,..., ngày 10 là thứ Hai. Hoặc có thể nhẩm: ngày 4 là thứ Ba, vậy sau 1 tuần là ngày 11 cũng là thứ Ba, do đó ngày 10 là thứ hai. Chọn B.  - GV và HS nhận xét và bổ sung.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3: Giải bài toán**  **-** GV yêu cầu HS đọc đề bài, tìm hiểu để bài (cho biết gì, hỏi gì, phải làm phép tính gì?)  - GV chữa bài cho HS.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 4. Tìm hai đồng hồ chỉ cùng giờ.**  - GV hướng dẫn HS cách làm bài: Nêu giờ vào buổi chiều hoặc buổi tối của đồng hồ A, B, C, D.  Từ đó HS nhận ra: đồng hồ A và N, đồng hồ B và Q chỉ cùng giờ vào buổi chiều; đồng hồ C và M, đồng hồ D và P chỉ cùng giờ vào buổi tối.  Khi chữa bài, GV cho HS nêu lần lượt hai đồng hồ chỉ cùng giờ.  Lưu ý: Bài tập này cỏ thể chuyển thành dạng: Nối hai đồng hồ chỉ cùng giờ buổi chiều hoặc buổi tối.  - GV và HS chữa bài cho HS  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 5. Đố bạn!**  - GV yêu cầu HS tìm hiểu đề bài rồi suy nghĩ cách làm bài.  Có thể làm như sau:  + Lần 1: Lấy đầy can 3l đổ hết vào can 5l, trong can 5l đổ 3l nước.  + Lần 2: Lấy đầy can 3l đổ vào cho đầy can 5l.  Khi đó, trong can 3l còn 1l nước (3l – 2l = 1l)  - GV nhận xét tuyên dương. | - HS nêu yêu cầu của bài.  - HS tự tìm câu trả lời  - HS trả lời trước lớp và nhận xét câu trả lời của bạn  + Quả mít cân nặng 7 kg, quả dưa hấu cân nặng 3 kg.  + Quả mít nặng hơn quả dưa hấu 4 kg (7 kg - 3 kg = 4 kg).  + Can thứ nhất có 5 l dầu  + Can thứ hai có 15 l dầu  + Cả hai can có 20l dầu  - HS nêu yêu cầu của bài.  - HS tìm câu trả lời  - HS đổi vở, kiểm tra, chữa bài cho nhau.  - HS nhận xét bài làm của bạn.  - HS đọc yêu cầu của bài.  - HS trả lời câu hỏi:  + 1 tuần ăn hết 5kg gạo. Có 20 kg gạo thì ăn trong mấy tuần?  + Thực hiện phép chia   * HS làm bài vào vở. * 1HS làm vào bảng nhóm và trình bày trước lớp.   Bài giải  *Số tuần để gia đình cô Hoa ăn hết 20 kg gạo là:*  *20 : 5 = 4 (tuần)*  Đáp số: 4 tuần.  - HS đọc yêu cầu của bài  - HS làm bài  - HS nêu kết quả trước lớp  + Đồng hồ A chỉ 2 giờ 15 phút chiều hay 14 giở 15 phút;  + Đồng hồ B chỉ 5 giờ 30 phút chiều hay 17 giờ 30 phút;  + Đồng hồ C chỉ 7 giờ 15 phút tối hay 19 giờ 15 phút;  + Đồng hồ D chỉ 9 giờ tối hay 21 giờ.   * HS trao đổi nhóm 4 tìm cách thực hiện * HS trao đổi trước lớp * HS nhận xét cách làm của bạn |
| **3. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết được cân nặng của một số đồ vật dựa vào cân đồng hồ; thực hiện được phép tính với số đo đại lượng (kg, l); xem được giờ trên đồng hồ; giải được bài toán thực tế liên quan đến phép tính với số đo đại lượng.  + Bài toán:....  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + HS trả lời:..... |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG**

**Bài 08: LUYỆN TẬP CHUNG (T1) – Trang 38**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- So sánh và sắp xếp được 4 số trong phạm vi 1 000 theo thứ tự từ bé đến lớn.

- Viết được số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ và thực hiện tính có hai phép tính cộng, trừ trong phạm vi 1 000.

- Giải được bài toán về nhiều hơn trong thực tiễn.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  GV cho quan sát và lần lượt đọc số giờ trên các mặt đồng hồ: 6 giờ 55 phút; 10 giờ 10 phút; 1 giờ 50 phút ; 3 giờ 45 phút .  C:\Users\admin\Downloads\1541472856929_Untitled-13.pngCâu 4dh.jpgde-kscl-2013-phuoclong-lop4-2.jpg    - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | | | - HS tham gia trò chơi  - HS trả lời ứng với các mặt đồng hồ:  + 6 giờ 55 phút  + 10 giờ 10 phút  + 1 giờ 50 phút  + 3 giờ 45 phút  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:*  **-**Mục tiêu:  + So sánh và sắp xếp được 4 số trong phạm vi 1 000 theo thứ tự từ bé đến lớn.  + Viết được số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.  + Thực hiện được phép cộng, phép trừ và thực hiện tính có hai phép tính cộng, trừ trong phạm vi 1 000.  + Giải được bài toán về nhiều hơn trong thực tiễn.  **-**Cách tiến hành: | | | |
| **Bài 1. (Làm việc cá nhân)**  **a)Viết tên các con vật theo thứ tự cân nặng từ bé đến lớn.**  - GV cho HS nêu cầu  **-** GV hướng dẫn cho HS quan sát từng hình để nhận ra cân nặng của mỗi con vật trong tranh rồi so sánh, sắp xếp các số đó theo thứ tự từ bé đến lớn..  - Đại diện nhóm trình bày kết quả.  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  b) Viết các số 356, 432,728,669, thành tổng các trăm, chục, đơn vị.( theo mẫu)  - GV cho HS làm bài tập vào vở.  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2: (Làm việc cá nhân) Đặt tính rồi tính?**  - GV cho HS nêu cầu  - GV cho HS làm việc vào phiếu học tập.  a) 64 + 73; 326 + 58; 132 + 597  b) 157 – 85; 965 – 549; 828 - 786  - GV Nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3: (Làm việc cá nhân) Giải bài toán có lời văn.**  **-** GV cho HS đọc đề toán, tìm hiểu đề bài (cho biết gì? hỏi gì? Phải làm phép tính gì?  - GV cho HS làm bài tập vào vở.  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 4. (Làm việc nhóm 4) Số?**  - GV cho HS nêu cầu  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.  a)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số hạng | 35 | 46 | ? | | Số hạng | 27 | ? | 18 | | Tổng | ? | 75 | 52 |   b)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số bị trừ | 93 | 81 | ? | | Số trừ | 64 | ? | 23 | | Hiệu | ? | 34 | 49 |   - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  **Bài 5. (Làm việc cá nhân) Số?**  - GV cho HS nêu yêu cầu  - GV dành cho HS khá , giỏi  - GV cho HS quan sát nhận ra 9 + 9 = 18, 18 ở ô trên và chính giữa hai ô có số 9; 9 + 8 = 17; 17 ở ô trên và chính giữa hai ô có số 9 và số 8; 18 + 17 = 35; 35 ở ô trên và chính giữa hai ô có số 18 và 17. Từ đó tìm được các số ở các ô còn lại.  D:\z3469007679960_dadeda0de6c1a979b05bef9657822b7f.jpg  - GV Nhận xét, tuyên dương. | - HS nêu yêu cầu  - HS làm việc nhóm  + Viết tên các con vật theo thứ tự cân nặng từ bé đến lớn: Báo, Sư tử, Hổ, Gấu trắng Bắc Cực.  - HS lắng nghe.  - HS làm việc theo nhóm 2.  - HS làm bài tập vào vở.  356= 300 + 50 + 6  432= 400 + 30 + 2  728= 700 + 20 + 8  669= 600 + 60 +9  - HS làm vào phiếu học tập.  a)  326  58  384  +  132  597  729  +  64  73  137  +  b)  965  549  416  -  828  786  42  -  157  85  72  -  - HS lắng nghe.  - HS nêu  - HS làm vào vở.  - 1 HS lên bảng giải  Bài giải:  Số học sinh trường Tiểu học Lê Lợi có là:  563 + 29 = 592( học sinh)  Đáp số: 592 học sinh  - HS nêu yêu cầu  - HS làm việc theo nhóm.  - HS nêu kết quả:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số hạng | 35 | 46 | 34 | | Số hạng | 27 | 29 | 18 | | Tổng | 62 | 75 | 52 |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số bị trừ | 93 | 81 | 72 | | Số trừ | 64 | 47 | 23 | | Hiệu | 29 | 34 | 49 |   - HS nhận xét lẫn nhau.  - HS lắng nghe.  - HS nêu yêu cầu  - HS làm việc cá nhân.  - HS nêu kết quả:  D:\z3469045243029_1ae4f7b8a2b045920c843bb958ded355.jpg | | |
| **3. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | | |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết tổng các trăm, chục, đơn vị.  + Viết các số 332,869, thành tổng các trăm, chục, đơn vị.  - Nhận xét, tuyên dương | | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + HS làm vào bảng con | |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | | |